

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá của Công ty cổ phần HT Việt Nga**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định số 2409/QĐ-UBND ngày 08/7/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc thành lập Cụm công nghiệp Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa;*

*Xét Văn bản số 5816/STNMT-BVMT ngày 05/7/2022 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về thông báo kết quả thẩm định báo cáo ĐTM Dự án Cụm công nghiệp Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa của Công ty CP HT Việt Nga;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 668/Tr-STNMT ngày 02/8/2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Cụm công nghiệp Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa (sau đây gọi là Dự án) của Công ty cổ phần HT Việt Nga (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Cụm công nghiệp Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa của Công ty cổ phần HT Việt Nga thực hiện tại xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Lộc; Giám đốc Công ty cổ phần HT Việt Nga và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3, QĐ;
- Bộ TN&MT (để b/c);
- UBND xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Lộc;
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, CCBVMT, PgNN.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Đức Giang**

**Phụ lục**  
**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
**Dự án Cụm công nghiệp Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá**  
**của Công ty cổ phần HT Việt Nga**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của  
 Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)*

**1. Thông tin chung dự án:**

**1.1. Thông tin chung:**

- Tên dự án: Cụm công nghiệp Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá.
- Địa điểm thực hiện: Xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá.
- Chủ dự án: Công ty CP HT Việt Nga
- + Đại diện: Ông Ngô Viết Tuấn - Chức vụ: Giám đốc
- + Địa chỉ liên hệ: Cụm công nghiệp Vĩnh Hòa, xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

**1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:**

- Phạm vi: Dự án đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp Vĩnh Hòa được xây dựng trên khu đất thuộc địa giới hành chính xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá với tổng diện tích 349.987,72 m<sup>2</sup>; trong đó, đất điều hành dịch vụ: 3.690,38 m<sup>2</sup>; đất công nghiệp: 270.932,7 m<sup>2</sup> (*đất công nghiệp hiện trạng: 120.852,22 m<sup>2</sup>; đất công nghiệp quy hoạch mới: 150.080,48 m<sup>2</sup>*); đất công trình kỹ thuật hạ tầng: 4.144,71 m<sup>2</sup>; đất cây xanh, mặt nước: 35.182,13 m<sup>2</sup>; đất giao thông: 35.987,72 m<sup>2</sup>.

- Các loại hình đầu tư trong Cụm công nghiệp bao gồm: May mặc; tiểu thủ công nghiệp; sản xuất vật liệu xây dựng, nội thất; điện, điện tử, cơ khí; chế biến thực phẩm, chế biến dược liệu, chế biến lâm sản; sản phẩm nhựa, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm,... và các ngành nghề khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

**1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư**

- Các hạng mục công trình: Hạng mục hạ tầng kỹ thuật (San nền; xây dựng nhà điều hành; cấp nước; thoát nước mưa; thoát nước thải; hệ thống xử lý nước thải tập trung và vệ sinh môi trường; đường giao thông; cấp điện, chiếu sáng; phòng cháy chữa cháy, trồng cây xanh,...) và xây dựng nhà điều hành..

- Hoạt động của Dự án đầu tư:

- + Xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật và nhà điều hành;
- + Khai thác, kinh doanh cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp.

**1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường**

- Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên với diện tích 119.800 m<sup>2</sup> theo quy định của pháp luật về đất đai;
- Dự án tiếp giáp với Khu dân cư về phía Đông và phía Nam dự án.

## **2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường**

- Giai đoạn thi công xây dựng: Giải phóng mặt bằng, phát quang thực vật, san nền, vận chuyển nguyên vật liệu, hoạt động của máy móc, thiết bị trên công trường, hoạt động của công nhân tham gia thi công xây dựng và hoạt động sản xuất của 04 cơ sở hiện hữu (*Nhà máy gạch Tuynel Xuân Hòa - Công ty TNHH Vĩnh Tài; Nhà máy gạch Tuynel - Công ty CP Sản xuất Thương mại Lam Sơn; Nhà máy chế biến đá - Công ty TNHH Việt Thanh Stone và Nhà máy chế biến rau củ quả của Công ty CP Môi trường vệ sinh công nghiệp rau má Xứ Thanh*).

- Giai đoạn vận hành: Hoạt động sản xuất, kinh doanh của các nhà đầu tư thành viên; hoạt động của khu nhà điều hành; hoạt động của hệ thống xử lý chất thải.

## **3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:**

### **3.1. Giai đoạn xây dựng:**

#### *3.1.1. Các tác động môi trường chính:*

- Tác động đến môi trường nước: Nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn, nước vệ sinh máy móc, thiết bị.

- Tác động đến môi trường không khí: Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển, thiết bị máy móc thi công.

- Tác động do chất thải rắn thông thường: Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân thi công; chất thải rắn phát quang; đất rơi vãi trong quá trình vận chuyển.

- Tác động do chất thải nguy hại: Chất thải nguy hại từ quá trình sửa chữa, bảo dưỡng nhỏ các máy móc, thiết bị phục vụ thi công.

- Tác động do tiếng ồn, độ rung và các sự cố môi trường: cháy nổ, ngập lụt, tai nạn giao thông, tai nạn lao động,...

#### *3.1.2. Quy mô, tính chất của nước thải:*

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình tắm rửa, giặt giũ và từ nhà vệ sinh trong khoảng 3,8 m<sup>3</sup>/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, coliform,...

- Nước thải xây dựng phát sinh từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thi công, rửa lốp bánh xe các phương tiện vận chuyển... phát sinh khoảng 54,8 m<sup>3</sup>/ngày. Thành phần chủ yếu gồm: Chất rắn lơ lửng, dầu mỡ,...

#### *3.1.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:*

Bụi, khí thải trong quá trình đào đắp; phương tiện thi công; phương tiện vận chuyển; trút đổ nguyên vật liệu; san gạt mặt bằng, ... Thành phần chủ yếu gồm: bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, CO, ...

#### *3.1.4. Quy mô tính chất của chất thải rắn thông thường:*

- Chất thải rắn sinh hoạt khoảng 26 kg/ngày trong quá trình thi công. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, nhựa, giấy, bìa catton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...

- Chất thải rắn xây dựng:

+ Bao bì xi măng 810,15 kg/quá trình thi công xây dựng; chất thải rắn từ quá trình xây dựng vật liệu rời như cát, đá 64,46 tấn; mẫu sắt thép thừa, gỗ cốp pha loại: 5,49 tấn.

+ Đất vận chuyển đổ thải 30.828,15 m<sup>3</sup>.

### 3.1.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn nguy hại phát sinh khoảng 72 kg/quá trình thi công. Thành phần chủ yếu gồm: Giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy; dầu, mỡ thải.

- Chất thải lỏng nguy hại khoảng 2310 lít/quá trình thi công. Thành phần chủ yếu là dầu nhớt từ quá trình thay dầu máy móc, thiết bị phục vụ thi công.

Ngoài ra, còn lượng chất thải phát sinh từ hoạt động của 04 cơ sở hiện đang hoạt động.

## 3.2. Giai đoạn vận hành:

### 3.2.1. Các tác động môi trường chính:

- Tác động đến môi trường nước: Nước mưa chảy tràn, nước thải từ quá trình thi công và sản xuất của các nhà đầu tư thứ cấp, nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân viên.

- Tác động đến môi trường không khí: Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của hoạt động thi công xây dựng và sản xuất, kinh doanh của các nhà đầu tư thứ cấp.

- Tác động do chất thải rắn thông thường: Chất thải rắn sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên; chất thải rắn từ hoạt động thi công xây dựng và sản xuất, kinh doanh của các nhà đầu tư thứ cấp.

- Tác động do chất thải nguy hại: Chất thải nguy hại từ hoạt động của cán bộ, công nhân viên; quá trình sửa chữa, bảo dưỡng nhỏ các máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động xây dựng và sản xuất, kinh doanh.

- Tác động do tiếng ồn, độ rung và các sự cố môi trường: cháy nổ, tai nạn giao thông, tai nạn lao động, đình công, lãn công,...

### 3.2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

Nước thải từ hoạt động của Cụm công nghiệp từ quá trình vận hành của dự án 760 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Thành phần chủ yếu: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, dầu mỡ động thực vật, kim loại nặng, Coliform,...

### 3.2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi, khí thải từ phương tiện ra vào dự án; hoạt động xây dựng công trình của các nhà đầu tư thứ cấp; hoạt động sản xuất của các nhà máy thứ cấp, các công trình xử lý chất thải... Thành phần chủ yếu gồm: bụi, CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, H<sub>2</sub>S, NH<sub>3</sub>, CH<sub>4</sub>,...

### 3.2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt thông thường phát sinh từ hoạt động của cán bộ, công nhân làm việc tại các nhà máy thứ cấp trong Cụm công nghiệp và cán bộ, nhân viên điều hành Cụm công nghiệp ước tính khoảng 813 kg/ngày. Thành phần chính trong chất thải rắn sinh hoạt bao gồm: Các hợp chất có nguồn gốc giấy từ các loại bao gói; hợp chất nhựa, Plastic, PVC, thủy tinh; vỏ hộp kim loại; cao su,....

- Chất thải rắn từ các hoạt động sản xuất của các nhà máy, xí nghiệp. Thành phần chất thải rắn phụ thuộc vào từng loại hình doanh nghiệp và công nghệ của từng doanh nghiệp sản xuất.

### 3.2.5. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn nguy hại từ quá trình sản xuất của các nhà sản xuất thành viên bao gồm, các loại chất thải dính dầu mỡ, chất thải chứa kim loại, ... có khối lượng ước tính bằng 1% tổng khối lượng chất thải rắn sản xuất phát sinh.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp có khối lượng lớn nhất khoảng 832,2 m<sup>3</sup>/năm.

## 4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:

### 4.1. Giai đoạn xây dựng:

#### 4.1.1. Công trình biện pháp thu gom và xử lý nước thải:

##### a. Biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:

- Nước thải rửa tay chân, tắm giặt giai đoạn xây dựng: Bố trí 01 hố lắng thể tích 8,0 m<sup>3</sup> (kích thước 2m x 2m x 2m) để thu gom, xử lý; hố được lót đáy và thành bằng vải địa kỹ thuật (HDPE) để chống thấm. Nước thải sau đó thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Nước thải nhà vệ sinh: Bố trí 04 nhà vệ sinh di động để thu gom nước thải vệ sinh; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, đưa đi xử lý định kỳ.

##### b. Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng

Bố trí 02 hố lắng tạm thể tích 30m<sup>3</sup>/hố (kích thước 6m x 5m x 1m) để thu gom nước thải rửa xe, nước thải rửa dụng cụ thi công. Nước thải sau lắng được tái sử dụng lại một phần phục vụ rửa xe, máy móc, tưới đường đập bụi, phần còn lại thoát ra mương thoát nước chung của khu vực.

#### 4.1.2. Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải:

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động gồm: quần áo bảo hộ, mũ, khẩu trang, kính... theo quy định, bố trí thời gian nghỉ ngơi hợp lý cho công nhân.

- Phun nước tạo ẩm, giảm bụi phát tán trong khu vực thi công, sử dụng xe để tưới nước làm ẩm khu vực thực hiện dự án, làm đến đâu, tưới ẩm đến đó; đặc biệt khu vực đi qua dân cư trên tuyến đường QL217 hiện trạng (gần khu vực dự án) và tuyến đường liên xã; nước dùng để làm ẩm được lấy từ các kênh mương nội đồng của khu đất thực hiện dự án.

- Các chất thải phát sinh từ giai đoạn triển khai xây dựng không đốt tại khu vực dự án.

- Các máy móc tham gia hoạt động san gạt, lu lèn như máy lu, máy ủi phải thực hiện việc đăng kiểm, đảm bảo chất lượng.

- Tại cổng ra vào công trường (cạnh khu vực lán trại phục vụ quá trình thi công dự án) bố trí khu vực rửa xe và thiết bị thi công trước khi ra khỏi công trường.

- Khu vực để vật liệu phải quét dọn sạch trước khi đưa vật liệu về bãi tập kết để hạn chế phát tán bụi từ quá trình bốc xếp, trút đổ...

#### *4.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường*

##### *a. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt*

- **Bố trí 02 thùng đựng rác thải sinh hoạt có thể tích 50 lít/thùng, đặt tại khu vực lán trại; hợp đồng với đơn vị thu gom rác địa phương thu gom đưa đi xử lý với tần suất 01 lần/ngày.**

- Yêu cầu cán bộ, công nhân khi tham gia thi công thực hiện tốt công tác phân loại, không xả rác thải bừa bãi và giữ vệ sinh chung.

##### *b. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn xây dựng.*

- Lượng chất thải phát sinh từ quá trình thi công xây dựng (gồm: đất bóc phong hóa, cát, đá, bê tông rơi vãi) được thu gom và vận chuyển đi đổ thải tại khu vực bãi thải đúng theo quy định.

- Các loại chất thải rắn như bìa carton, các mẫu sắt thừa, bao bì xi măng được thu gom hàng ngày và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.

- Thực vật phát quang được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển đưa đi xử lý theo đúng quy định.

#### *4.1.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại*

- Trang bị 03 thùng chứa (dung tích 200l) chứa chất thải lỏng nguy hại; 02 thùng chứa (thể tích 50 lít/thùng) chứa chất thải rắn nguy hại, các thùng được dán nhãn mác, có nắp đậy để lưu giữ theo đúng quy định tại khu vực lán trại.

- Kết thúc quá trình thi công xây dựng, hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định.

#### *4.1.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung:*

##### *a. Các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:*

- Không vận hành các phương tiện có mức ồn lớn cùng lúc, bảo trì máy móc, thiết bị và phương tiện trong suốt thời gian thi công; trang bị đầy đủ các dụng cụ, thiết bị chống ồn cho công nhân thi công.

- Tắt những máy móc hoạt động gián đoạn khi không cần thiết để giảm tới mức thấp nhất.

- Quy định tốc độ xe, máy móc thi công khi hoạt động tại công trường không quá 5,0 km/h;

- Hạn chế các xe tải trọng lớn và các thiết bị gây ồn, rung lớn hoạt động vào ban đêm (từ 18h - 6h) và giờ nghỉ ngơi của người dân vào buổi trưa (từ 11h30 đến 13h30).

*b. Biện pháp giảm thiểu độ rung*

- Hạn chế vận hành những máy móc thiết bị đồng thời gần các khu dân cư;
- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị.

**4.2. Giai đoạn vận hành**

*4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom và xử lý nước thải*

*a. Đối với Chủ dự án:*

- Bố trí hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thu gom nước thải tách riêng với hệ thống xử lý nước thải; thường xuyên thực hiện nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ.

- Nước mưa chảy tràn sau khi thu gom bằng hệ thống cống rãnh, qua các hố gas để lắng cặn, chảy ra hệ thống kênh mương nội đồng hiện trạng phía Tây Nam dự án.

- Nước thải từ các hoạt động sản xuất của nhà đầu tư thứ cấp trong Cụm công nghiệp (bao gồm cả 04 nhà máy hiện hữu nêu trên) sau khi xử lý sơ bộ tại từng cơ sở sẽ được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp có tổng công suất xử lý 800 m<sup>3</sup>/ngày.đêm (được chia thành 02 modul, công suất 400m<sup>3</sup>/ngày.đêm/modul) để tiếp tục xử lý trước khi thải ra môi trường.

- Công nghệ xử lý nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung: Bể thu gom → bể điều hoà → bể keo tụ → bể lắng sơ cấp → bể anoxic → bể aerotank → bể lắng thứ cấp → Thiết bị lọc áp lực → bể khử trùng → Bể gom nước thải sau xử lý → mương tiêu nội đồng phía Nam Cụm công nghiệp.

Khi hệ thống xử lý nước thải tập trung gặp sự cố, nước thải được thu gom vào 01 hồ sự cố (có thể tích khoảng 1.600 m<sup>3</sup>, kết cấu đáy và xung quanh thành hồ bằng bạt nhựa HDPE chống thấm, rò rỉ) được bố trí tại khu đất cây xanh, cảnh quan, cạnh hệ thống xử lý nước thải tập trung với thời gian lưu nước 02 ngày, sau đó, bơm ngược lại về trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý đạt quy chuẩn quy định trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

- Nước sau khi xử lý đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

- Lắp đặt trạm quan trắc nước thải tự động, liên tục sau hệ thống xử lý nước thải tập trung trước khi xả ra môi trường; lắp đặt camera theo dõi, các thông số quan trắc tự động, liên tục bao gồm: Lưu lượng, Nhiệt độ, pH, COD, Amoni.

- Quy định hàm lượng các chất ô nhiễm đối với nước thải đầu ra của các nhà đầu tư thứ cấp trước khi dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp; yêu cầu các nhà đầu tư thứ cấp phải xử lý sơ bộ nước thải trước khi dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của CCN thông qua hợp



đồng trách nhiệm; thiết lập hệ thống kiểm soát các nguồn nước thải đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của CCN theo đúng quy định.

*b. Đối với các Nhà đầu tư thứ cấp:*

- Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải theo hồ sơ môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt/cấp giấy phép, hoàn thành trước khi vận hành; phải thực hiện đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp.

- Nước thải từ các nhà đầu tư thứ cấp trong Cụm công nghiệp chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý phải có hợp đồng xử lý nước thải với đơn vị có chức năng phù hợp theo quy định hiện hành.

- Bố trí cán bộ có chuyên môn về môi trường phụ trách bảo vệ môi trường dự án, được tập huấn định kỳ hàng năm về công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

*4.2.2. Các biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải:*

*a. Đối với Chủ dự án:*

- Đầu tư đồng bộ hệ thống đường giao thông trong cụm công nghiệp, đảm bảo tỷ lệ cây xanh trồng theo đúng thiết kế được phê duyệt.

- Yêu cầu các phương tiện xe máy ra, vào khu vực nhà xe phải tắt máy; đối với ô tô khi đã đậu đỗ trong khu vực dự án bắt buộc phải tắt máy để hạn chế khí thải ra môi trường.

- Sử dụng ô tô tưới nước 5,0m<sup>3</sup> phun tưới nước trên các tuyến đường giao thông trong cụm công nghiệp với tần suất 02 lần/ngày, những ngày nắng, nóng, khô hanh tần suất này phải được tăng lên.

- Thường xuyên kiểm tra việc tuân thủ các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải của các nhà máy thứ cấp theo quy định hiện hành.

*b. Đối với các nhà đầu tư thứ cấp:*

- Đầu tư công trình thu gom xử lý khí thải theo hồ sơ môi trường đã được cấp thẩm quyền phê duyệt/xác nhận. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải và tiếng ồn theo hồ sơ môi trường được phê duyệt/cấp giấy phép.

- Bố trí cán bộ phụ trách về bảo vệ môi trường để thực hiện các nội dung về trách nhiệm bảo vệ môi trường.

*4.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường*

*a. Đối với Chủ dự án:*

- Cung cấp các văn bản pháp lý liên quan đến quản lý, xử lý chất thải rắn; giới thiệu dịch vụ thu gom và xử lý chất thải rắn cho các nhà máy thứ cấp trong cụm công nghiệp;

- Bố trí xe thu gom, khu vực lưu giữ tập trung chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các nhà máy thứ cấp trong cụm công nghiệp;

- Kiểm tra việc thực hiện thu gom, xử lý chất thải rắn theo các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam của các nhà máy thứ cấp trong cụm

công nghiệp;

- Đối với bùn cặn phát sinh từ các hố ga, hệ thống thu gom nước mưa, nước thải, bể xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp, Ban quản lý và khai thác hạ tầng kỹ thuật hợp đồng với các đơn vị có chức năng để nạo hút với tần suất 06 tháng/lần. Hợp đồng với các đơn vị cấp phép hành nghề đến thu gom và vận chuyển đi xử lý theo các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

*b. Đối với các Nhà đầu tư thứ cấp:*

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu chất thải rắn thông thường theo hồ sơ môi trường được phê duyệt/cấp giấy phép.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và vận chuyển xử lý theo các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

*4.2.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn nguy hại:*

*a. Đối với Chủ dự án:*

- Cung cấp các văn bản pháp lý liên quan đến quản lý, xử lý chất thải nguy hại cho các nhà máy thứ cấp trong cụm công nghiệp; Giới thiệu dịch vụ thu gom và xử lý chất thải nguy hại cho các nhà máy thứ cấp trong cụm công nghiệp.

- Kiểm tra việc xử lý tuân thủ thực hiện việc thu gom, xử lý chất thải nguy hại theo các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam của các nhà máy thứ cấp trong cụm công nghiệp.

- Bùn từ các bể xử lý nước thải phải được phân tích và so sánh với QCVN 50:2013/BTNMT về ngưỡng nguy hại. Nếu vượt QCCP phải hợp đồng với các đơn vị được cấp phép xử lý chất thải nguy hại thu gom, vận chuyển và xử lý theo các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

*b. Đối với các Nhà đầu tư thứ cấp:*

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu chất thải rắn nguy hại theo hồ sơ môi trường được phê duyệt/cấp giấy phép.

- Thu gom chất thải nguy hại công nghiệp vào các thùng chứa quy định có dán nhãn. Bố trí kho chứa chất thải nguy hại đặt tại nơi thích hợp trong nhà máy, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và vận chuyển xử lý theo đúng quy định về quản lý chất thải.

*4.2.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:*

*a. Đối với Chủ dự án:*

Yêu cầu các nhà máy thứ cấp đầu tư dây chuyền sản xuất hiện đại, đồng bộ, có chỉ số kinh tế - kỹ thuật và định mức tiêu hao nhiên liệu tiên tiến, hạn chế tiếng ồn và độ rung.

*b. Đối với các Nhà đầu tư thứ cấp:*

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo độ rung nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung. Trang bị đầy đủ bảo hộ cho công nhân: Quần áo,

kính mắt, khẩu trang, nút tai chống ồn; Lắp đặt quạt thông gió tại các khu vực nhà xưởng.

- Đầu tư lắp đặt hệ thống quạt thông gió, hệ thống làm mát tại nhà xưởng, trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại Nhà máy thứ cấp.

- Trồng cây xanh theo đúng thiết kế đã được phê duyệt.

## **5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án**

Giám sát chất lượng nước thải giai đoạn vận hành thử nghiệm/vận hành thương mại

### **a. Tần suất giám sát:**

- *Giai đoạn vận hành thử nghiệm:* Giai đoạn điều chỉnh hiệu suất với tần suất 15 ngày/lần (trong vòng 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm); giai đoạn vận hành ổn định với tần suất 01 ngày/lần (trong 07 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh hiệu suất).

- *Giai đoạn vận hành thương mại:* 03 tháng/lần.

### **b. Giám sát chất lượng nước thải:**

*b1. Giám sát tự động:*

- *Tần suất:* Liên tục 24 h.

- *Thông số:* lưu lượng đầu vào, đầu ra; nhiệt độ, pH, TSS, COD,  $\text{NH}_4^+$ .

- *Vị trí lắp đặt máy quan trắc:* Tại bể chứa nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung trước khi thải ra môi trường.

- *Quy chuẩn áp dụng:* QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B).

Các dữ liệu quan trắc được truyền tín hiệu về Sở Tài nguyên và Môi trường.

*b2. Giám sát định kỳ:*

- *Chỉ tiêu giám sát:* BOD<sub>5</sub>, tổng N; tổng P; tổng dầu mỡ khoáng, As, Pb, Fe, Cu, Zn, Coliform.

- *Vị trí giám sát:* 01 vị trí

+ NT: Tại bể chứa nước thải sau hệ thống XLNT tập trung trước khi thải ra môi trường.

- *Quy chuẩn áp dụng:*

+ QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B).

### **c. Giám sát chất lượng bùn thải**

- *Vị trí giám sát:* 01 vị trí

+ NB: Quan trắc tại bể xử lý bùn thải.

- *Chỉ tiêu giám sát:* hàm lượng As, Zn, Pb.

+ QCVN 50:2013/BTNMT về ngưỡng nguy hại của các thông số trong bùn thải phát sinh từ quá trình xử lý nước.

## **6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:**

- Thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, chủ dự án đầu tư có trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 4, Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Chỉ được phép thu hút các dự án đầu tư thứ cấp có ngành nghề quy định tại Mục 1.2 Phụ lục này;

- Sau khi đã hoàn thành việc xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án; yêu cầu các nhà đầu tư thứ cấp đầu nối nước thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án.

- Các phân khu chức năng trong Cụm công nghiệp phải được quy hoạch bảo đảm các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 47 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Hoàn thành việc trồng cây xanh cách ly quanh Cụm công nghiệp với chiều rộng  $\geq 10$  m trước khi đưa dự án vào hoạt động.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về môi trường, đất đai, xây dựng; tài nguyên, lâm nghiệp; an ninh, quốc phòng; bảo tồn đa dạng sinh học; khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố và các quy định pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Thực hiện yêu cầu khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường./.